

Điều 12. Vụ Quản lý ngoại hối có trách nhiệm cung cấp cho Vụ Chính sách tiền tệ kế hoạch mua, bán ngoại tệ cho quỹ dự trữ ngoại hối của Nhà nước theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 13. Vụ Tín dụng có trách nhiệm cung cấp cho Vụ Chính sách tiền tệ những thông tin sau:

1. Cung cấp các nhu cầu vay vốn của các tổ chức tín dụng ngay sau khi có đơn xin vay của các tổ chức tín dụng.

2. Tập hợp các số liệu, tình hình cho vay, thời gian thu nợ các khoản cho vay của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng thương mại (bao gồm các khoản vay, thu nợ tại các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố và của Ngân hàng Nhà nước Trung ương) cung cấp cho Vụ Chính sách tiền tệ theo định kỳ do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

Điều 14. Vụ Nghiệp vụ Phát hành và kho quỹ có trách nhiệm cung cấp cho Vụ Chính sách tiền tệ doanh số phát hành, thu hồi tiền mặt của Ngân hàng Nhà nước theo định kỳ do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

Điều 15. Vụ Các ngân hàng và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng có trách nhiệm cung cấp cho Vụ Chính sách tiền tệ các thông tin về tình hình thực hiện dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Quy chế Dự trữ bắt buộc.

Điều 16. Cục Công nghệ tin học ngân hàng có trách nhiệm củng cố, nâng cấp, hoàn thiện mạng thông tin cục bộ tại Ngân hàng Nhà nước; giúp các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước cài đặt chương trình, thực hiện truyền tin qua mạng máy vi tính để Vụ Chính sách tiền tệ có thể nhận được các thông tin liên quan đến việc quản lý vốn khả dụng và lưu trữ toàn bộ những thông tin này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 17. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
Phó Thống đốc

NGUYỄN VĂN GIÀU

THÔNG TƯ số 02/2000/TT-NHNN7
ngày 24/2/2000 hướng dẫn thi hành
Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg
ngày 19/8/1999 của Thủ tướng
Chính phủ về việc khuyến khích
người Việt Nam ở nước ngoài
chuyển tiền về nước.

Nhằm khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài chuyển ngoại tệ về Việt Nam để giúp đỡ gia đình, thân nhân hay vì mục đích từ thiện khác trên cơ sở tôn trọng các quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài, ngày 19/8/1999 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 10 của Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện như sau:

I. QUYỀN CỦA NGƯỜI THỤ HƯỞNG

1. Nhận ngoại tệ hoặc Đồng Việt Nam (bằng tiền mặt hoặc bằng chuyển khoản) theo yêu cầu;

2. Trường hợp nhận bằng ngoại tệ, Người thụ hưởng có quyền:

a) Bán cho các tổ chức tín dụng được phép hoặc các bàn đổi ngoại tệ;

b) Gửi tiết kiệm ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng được phép;

c) Mở và gửi vào tài khoản tiền gửi ngoại tệ cá nhân tại các tổ chức tín dụng được phép;

d) Sử dụng ngoại tệ vào các mục đích khác theo các quy định tại Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối, Thông tư số 01/1999/TT-NHNN7 ngày 16/4/1999 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định trên và các quy định hiện hành khác có liên quan về quản lý ngoại hối.

3. Người thụ hưởng không phải đóng thuế thu nhập đối với các khoản ngoại tệ nhận được của Người gửi tiền.

II. ĐIỀU KIỆN VÀ THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP LÀM DỊCH VỤ NHẬN VÀ CHI TRẢ NGOẠI TỆ

1. Đối với tổ chức tín dụng.

a) Tổ chức tín dụng chỉ được phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ sau khi đã được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép hoạt động ngoại hối (trong đó có nội dung làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ).

b) Điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng quy định tại Thông

tư số 01/1999/TT-NHNN7 ngày 16/4/1999 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối và các quy định hiện hành khác có liên quan về quản lý ngoại hối.

2. Đối với tổ chức kinh tế.

2.1. Điều kiện:

a) Có hợp đồng nguyên tắc với đối tác nước ngoài làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ. Trong hợp đồng phải ghi rõ hình thức nhận và chi trả, tỷ lệ chia lệ phí chuyển tiền thu được giữa tổ chức kinh tế và đối tác nước ngoài (đối với trường hợp tổ chức kinh tế nhận tiền của Người gửi tiền thông qua đối tác nước ngoài);

b) Có đề án khả thi làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ;

c) Có mạng lưới chi trả thuận tiện và nhanh chóng cho Người thụ hưởng.

2.2. Thủ tục:

Tổ chức kinh tế khi xin cấp giấy phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ phải gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) bộ hồ sơ sau:

a) Đơn xin phép làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ;

b) Đề án làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ;

c) Hợp đồng nguyên tắc với đối tác nước ngoài về dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ (đối với trường hợp tổ chức kinh tế nhận tiền của Người gửi tiền thông qua đối tác nước ngoài);

d) Bản sao có công chứng quyết định thành lập tổ chức kinh tế, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư, giấy phép hoạt động;

e) Ý kiến của cơ quan chủ quản và Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương trên cùng địa bàn về việc tổ chức kinh tế làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) sẽ xem xét cấp giấy phép hoặc từ chối cấp giấy phép, trường hợp từ chối cấp giấy phép phải có văn bản giải thích rõ lý do.

3. Đối với tổ chức kinh tế làm đại lý chi trả cho các tổ chức tín dụng được phép.

3.1. Điều kiện:

a) Có hợp đồng nguyên tắc làm đại lý với tổ chức tín dụng được phép;

b) Có mạng lưới chi trả thuận tiện và nhanh chóng cho Người thụ hưởng.

3.2. Thủ tục:

Tổ chức kinh tế khi xin cấp giấy phép làm đại lý chi trả ngoại tệ cho các tổ chức tín dụng được phép phải gửi Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cùng địa bàn bộ hồ sơ sau:

a) Đơn xin làm đại lý chi trả ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép;

b) Hợp đồng nguyên tắc làm đại lý với tổ chức tín dụng được phép;

c) Bản sao có công chứng quyết định thành lập tổ chức kinh tế, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư, giấy phép hoạt động.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét cấp giấy phép hoặc từ chối cấp giấy phép, trường hợp từ chối cấp giấy phép phải có văn bản giải thích rõ lý do.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Thông tư

này có hiệu lực, các tổ chức kinh tế đang thực hiện dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ của Người gửi tiền hoặc làm đại lý chi trả ngoại tệ cho các tổ chức tín dụng được phép phải làm thủ tục để xin cấp giấy phép mới theo quy định tại Thông tư này.

Sau thời gian nêu trên, các tổ chức không được cấp giấy phép mới phải đình chỉ ngay hoạt động làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ của Người gửi tiền hoặc phải đình chỉ ngay dịch vụ làm đại lý chi trả ngoại tệ cho các tổ chức tín dụng được phép.

III. ĐÌNH CHỈ HOẶC THU HỒI GIẤY PHÉP

Ngân hàng Nhà nước hoặc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tùy theo thẩm quyền cấp giấy phép sẽ đình chỉ có thời hạn hoặc thu hồi giấy phép đối với tổ chức vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

1. Các tổ chức bị đình chỉ giấy phép có thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Thường xuyên không thực hiện chế độ báo cáo cho Ngân hàng theo nội dung quy định tại Phần VI của Thông tư này;

b) Vi phạm các điều khoản trong hợp đồng ký với đối tác nước ngoài hoặc hợp đồng làm đại lý chi trả ngoại tệ ký với tổ chức tín dụng được phép, bị phía đối tác nước ngoài hoặc tổ chức tín dụng yêu cầu hủy bỏ hợp đồng đã ký;

c) Không thực hiện đúng các quy định trong giấy phép do Ngân hàng cấp.

2. Các tổ chức bị thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau:

a) Có chứng cứ là hồ sơ xin giấy phép có những thông tin cố ý làm sai sự thật:

b) Sau thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép, tổ chức không làm dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ của người gửi tiền hoặc làm đại lý chi trả ngoại tệ;

c) Tự nguyện hoặc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc phải giải thể;

d) Chia, sáp nhập, hợp nhất, phá sản.

IV. LỆ PHÍ CHUYỂN TIỀN

1. Chuyển tiền thông thường qua hệ thống tổ chức tín dụng: Tổ chức tín dụng được phép thu phí dịch vụ chuyển tiền của các tổ chức kinh tế được phép, doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ tài chính bưu chính quốc tế và Người thụ hưởng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phí dịch vụ chuyển tiền của Ngân hàng.

2. Chuyển tiền thông qua các tổ chức làm dịch vụ chuyển tiền: Các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế được phép, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tài chính bưu chính quốc tế được thỏa thuận với đối tác nước ngoài để hưởng phí dịch vụ chuyển tiền, không thu phí trực tiếp từ Người thụ hưởng.

V. TỔ CHỨC TUYÊN TRUYỀN

1. Các đơn vị trực thuộc Ngân hàng Nhà nước làm công tác tuyên truyền báo chí phối hợp với các cơ quan thông tin báo chí, Bộ Ngoại giao, Ủy ban người Việt Nam ở nước ngoài và các Bộ, ngành có liên quan để tuyên truyền phổ biến các chính sách của Nhà nước Việt Nam về khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước.

2. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành

phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các cơ quan thông tin báo chí và các Ban, Ngành trên địa bàn tuyên truyền phổ biến cho mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn hiểu và thực hiện đúng các chính sách của Nhà nước Việt Nam về khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Thực hiện Điều 8 Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước đề nghị các Tổng cục, đơn vị liên quan phối hợp thực hiện theo quy định về chế độ báo cáo dưới đây:

a) Tổng cục Hải quan báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) về số liệu và tình hình mang ngoại tệ theo người của cá nhân khi xuất nhập cảnh;

b) Tổng công ty Bưu chính Viễn thông và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tài chính, bưu chính quốc tế khác được Tổng cục Bưu điện cấp giấy phép báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) về số liệu, tình hình nhận và chi trả ngoại tệ;

c) Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) về số liệu và tình hình làm đại lý chi trả ngoại tệ của các tổ chức kinh tế trên địa bàn cho các tổ chức tín dụng được phép;

d) Tổ chức tín dụng được phép, tổ chức kinh tế được phép báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) về số liệu, tình hình nhận và chi trả ngoại tệ của người gửi tiền.

Các Tổng cục và đơn vị liên quan nêu trên thực hiện gửi báo cáo hàng quý, chậm nhất nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý sau.

2. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 5 của tháng đầu quý sau các tổ chức kinh tế làm đại lý chi trả ngoại tệ cho các tổ chức tín dụng được phép phải báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cùng địa bàn về số liệu và tình hình làm đại lý chi trả ngoại tệ ở trong nước.

3. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 25 của tháng đầu quý sau, Vụ Quản lý ngoại hối tổng hợp trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký gửi báo cáo Thủ tướng Chính phủ về số liệu, tình hình chuyển ngoại tệ vào Việt Nam của người gửi tiền từ nước ngoài và chi trả cho người thụ hưởng ở trong nước.

VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15

ngày kể từ ngày ký. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

2. Quyết định số 48/QĐ-NH7 ngày 23/2/1995 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc người Việt Nam ở nước ngoài chuyển ngoại tệ về nước hết hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng được phép và các tổ chức kinh tế được phép chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
Phó Thống đốc

DƯƠNG THU HƯƠNG

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ I - Bộ Quốc phòng